# THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TẠI CÁC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP TỈNH HẢI DƯƠNG (TRƯỚC KHI SÁP NHẬP)

**Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Tím Huế, Đồng Thị Yến**
*Trường Đại học Hải Dương*

***Tóm tắt:*** *Với việc các văn bản pháp quy của Nhà nước về việc thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được ban hành, cao nhất là Luật Người khuyết tật 2010, nhiều địa phương, tổ chức, cá nhân đã thành lập và tổ chức hoạt động loại hình trung tâm này ở các cấp khác nhau (cấp tỉnh/thành phố, cấp xã/phường hiện nay). Sự ra đời của trung tâm ở các địa phương đã hỗ trợ hiệu quả cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại trung tâm và ở các trường có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Các nội dung cốt lõi để bảo đảm cho hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đó là chương trình, kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật và các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực là giáo viên, điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và sự phối hợp giữa các bên liên quan. Nội dung bài viết tập trung đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu tại 05 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, 12 trường tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh Hải Dương (trước khi sáp nhập) với tổng số khách thể khảo sát là 384 người. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài viết đưa ra một số khuyến nghị đối với các trung tâm, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động can thiệp, trị liệu và giáo dục trẻ khuyết tật tại trung tâm và chất lượng hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập của trung tâm đối với các trường có trẻ khuyết tật học hòa nhập.*

***Từ khóa:*** *Chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm, giáo dục hòa nhập, hỗ trợ phát triển, trẻ khuyết tật.*

Nhận bài ngày 28.3.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Hà; Email: minhha77@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu công bố thống kê ngày 11/0/2019 của Tổng cục Thống kê và UNICEF công bố kết quả Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật tại Việt Nam cho thấy, số người khuyết tật ảnh hưởng đến một tỷ lệ dân số đáng kể ở Việt Nam với hơn 7% dân số từ 2 tuổi trở lên (khoảng hơn 6,2 triệu người) là người khuyết tật [1].

Giáo dục hòa nhập (GDHN) được thực hiện ở nước ta từ năm 1991 với những dự án thí điểm đầu tiên tại một số tỉnh trong cả nước và đến năm 2001, Nhà nước ta đã coi GDHN là phương thức chủ yếu để thực hiện Quyền của Người khuyết tật nói chung cũng như của trẻ khuyết tật [2]. Đến nay, một hệ thống hỗ trợ cho GDHN đã được hình thành và phát triển trong cả nước, trong đó trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN đã được thành lập và hoạt động từ cấp tỉnh cho đến cấp xã/phường (trước khi sáp nhập là cấp huyện).

Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN đã được thể hiện trong các văn bản của Nhà nước như: Luật Người khuyết tật (2010), Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người Khuyết tật; Luật Giáo dục (2019); Nghị định số 84/2020/NĐ-CP hướng dẫn quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Bên cạnh đó, còn nhiều thông tư hướng dẫn như: Thông tư số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH; Thông tư số 03/2018/TT-

BGDĐT; Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ GD&ĐT,… Các văn bản này có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động giáo dục hoà nhập phát triển và là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục hoà nhập. Đồng thời, đã có một số công trình nghiên cứu về trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN ở nước ta như của Lê Văn Tạc và cộng sự (2009) [3], Nguyễn Xuân Hải (2013) [4], Nguyễn Văn Hưng (2022) [5],…

Nội dung bài viết không đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận mà tập trung nghiên cứu thực trạng chương trình, kế hoạch giáo dục (KHGD) trẻ khuyết tật và các điều kiện bảo đảm cho thực hiện nội dung này tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trên địa bàn tỉnh Hải Dương (trước khi sáp nhập).

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Các khái niệm

*Người khuyết tật,* theo Luật Người khuyết tật (2010) là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn. Theo đó, có các dạng khuyết tật sau: a) Khuyết tật vận động; b) Khuyết tật nghe, nói; c) Khuyết tật nhìn; d) Khuyết tật thần kinh, tâm thần; đ) Khuyết tật trí tuệ; e) Khuyết tật khác [6].

Khái niệm GDHN người khuyết tật Việt Nam đã chính thức được Luật hóa trong Luật Người khuyết tật 2010, Điều 2, mục 4. *GDHN là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục* [6]. Đồng thời, điều 15, Luật Giáo dục 2019 quy định về GDHN, cụ thể như sau: GDHN là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử [7].

*Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN* là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng và do cơ quan quản lý nhà nước quản lý. Trung tâm có nhiệm vụ: 1) Đánh giá, xác định khả năng và phân loại nhu cầu giáo dục đối với trẻ em có dấu hiệu khiếm khuyết hoặc dấu hiệu suy giảm chức năng, học sinh khuyết tật để can thiệp giáo dục sớm hoặc tư vấn lựa chọn phương thức giáo dục phù hợp cho từng đối tượng; 2) Hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; 3) Tổ chức dạy học và giáo dục cấp học giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với học sinh khuyết tật để học sinh khuyết tật có thể tham gia giáo dục hòa nhập hoặc hòa nhập cộng đồng; 4) Bồi dưỡng, tư vấn cho người khuyết tật và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu về tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp; 5) Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm; 6) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan có thẩm quyền, học sinh, học viên và xã hội; 7) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật [8].

### 2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng

*Mục đích khảo sát:* Khảo sát nhằm đánh giá thực trạng chương trình, KHGD trẻ khuyết tật và các điều kiện bảo đảm tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trên địa bàn tỉnh Hải Dương (trước khi sáp nhập).

*Nội dung khảo sát:* Gồm 04 nội dung chính: 1) Thực trạng chương trình, KHGD trẻ khuyết tật; 2) Nguồn nhân lực là giáo viên của trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN; 3) Cơ sở vật chất và môi trường của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN; 4) Sự phối hợp giữa trung tâm, gia đình và lực lượng giáo dục trong hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật.

*Địa bàn và khách thể khảo sát:*

- Địa bàn khảo sát

+ 05 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN gồm: 1) Tâm An; 2) Thiên Thần Nhỏ; 3) Ánh Dương; 4) Hướng Dương; 5) Nắng Mai và 01 Trung tâm Chuyên biệt Tâm An.

+ 12 trường tiểu học và THCS trên địa bàn Thành phố Hải Dương; các huyện: Cẩm Giàng, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Ninh Giang,… của tỉnh Hải Dương.

- Khách thể khảo sát: Số lượng và quy mô khảo sát: 384 người.

+ Đối tượng 1 là cán bộ quản lý và giáo viên tại các Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN, mỗi trung tâm 10 người, tổng 80 người.

+ Đối tượng 2 là CBQL và giáo viên tại các cơ sở GDHN, tiến hành khảo sát tại các trường tiểu học và THCS trên địa bàn các xã/phường với mỗi trường 12 người, tổng 144 người.

+ Đối tượng khảo sát là phụ huynh của trẻ khuyết tật hiện đang học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN, trường hoà nhập (MN, TH, THCS), vừa đi học hoà nhập vừa can thiệp tại Trung tâm và trường chuyên biệt là 160 người.

*Phương pháp và cách tiến hành khảo sát:*

Các phương pháp khảo sát được sử dụng như điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát, trao đổi nhóm,… với các hình thức thu thập số liệu định lượng và thông tin định tính, chủ yếu thực hiện tiến hành trực tiếp và điền phiếu qua hình thức trực tuyến/online đối với đối tượng không tham gia khảo sát trực tiếp.

*Đánh giá kết quả khảo sát:* Được thực hiện bằng sử dụng toán thống kê, tính tỷ lệ %, giá trị trung bình, xếp thứ bậc cho từng tiêu chí và cho toàn bộ nội dung câu hỏi.

**2.3. Kết quả và phân tích kết quả khảo sát thực trạng**

***2.3.1. Thực trạng chương trình, KHGD của các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN***

Kết quả khảo sát nội dung cụ thể được thể hiện ở các bảng số liệu dưới đây:

*a) Thực trạng xây dựng và hiệu quả của chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học của các trung tâm*

*Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng xây dựng và hiệu quả của chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học của các trung tâm*

| TT | Mức độ<br>Nội dung | Bảo đảm tốt | | Bảo đảm | | Bảo đảm một phần | | Không bảo đảm | | N | Xtb | Thứ bậc |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *SL* | *TL%* | *SL* | *TL %* | *SL* | *TL%* | *SL* | *TL %* | | | |
| 1. | Bảo đảm xây dựng đầy đủ chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học | 13 | 9.0 | 78 | 54.2 | 2 | 1.4 | 51 | 35.4 | 341 | 2.37 | **2** |
| 2. | Chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học được xây dựng dựa trên điều chỉnh CTGD chuyên biệt của Bộ GD&ĐT | 12 | 8.3 | 13 | 9.0 | 40 | 27.8 | 79 | 54.9 | 246 | 1.71 | **5** |
| 3. | Chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học được xây dựng dựa trên nhu cầu giáo dục thực tế của trẻ khuyết tật | 11 | 7.6 | 107 | 74.3 | 7 | 4.9 | 19 | 13.2 | 398 | 2.76 | **1** |
| 4. | Chương trình giáo dục, KHGD và KHDH năm học được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế của Trung tâm | 19 | 13.2 | 74 | 51.4 | 6 | 4.2 | 45 | 31.3 | 355 | 2.47 | **3** |
| 5. | Hiệu quả thực hiện các Chương trình, KHGD và KHDH năm học | 11 | 7.6 | 66 | 45.8 | 17 | 11.8 | 50 | 34.7 | 326 | 2.26 | **4** |
| | **Xtbc** | | | | | | | | | | **2.31** | |